

Bản án số: 135/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04 – 10 - 2024

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích

2. Ông Bùi Văn Chiêu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thái Dương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Bảo Quốc – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 268/2024/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 187/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Lê Tú A**, sinh ngày: 12/7/1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh T.

- **Bị đơn:** **Nguyễn Thành N**, sinh ngày: 18/02/1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn đề ngày 17/6/2024, bản tự khai ngày 27/8/2024, nguyên đơn chị Lê Tú A trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thành N kết hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N không có quan tâm đến vợ con mà lo ăn chơi, cờ bạc, bạo lực gia đình nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2024, không hàn gắn tình cảm được cho đến nay. Quá trình chung sống, chị và anh N có 01 con chung Nguyễn Hoàng Nhân N, sinh ngày: 28/11/2022, anh N đang nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Lê Tú A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Nguyễn Thành N.

- Về con chung: Ly hôn chị đồng ý để anh N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị được thăm, nuôi con,

- Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Tú A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 02/10/2024.

* Bị đơn anh Nguyễn Thành N các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử đến

lần thứ hai đều vắng mặt nên không có lời khai.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đối với Thẩm phán phân công giải quyết án xác định đúng quan hệ tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn các lần hòa giải đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Tú A. Về con chung: Ghi nhận chị A đồng ý để anh Nguyễn Thành N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tài sản chung, nợ chung: Chị A khai không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Chị Lê Tú A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 02/10/2024. Bị đơn anh Nguyễn Thành N đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng anh N đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị A, anh N là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Tú A và anh Nguyễn Thành N kết hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị A trình bày là do anh N không có quan tâm đến vợ con mà lo ăn chơi, cờ bạc, bạo lực gia đình nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2024, không hàn gắn tình cảm được cho đến nay. Chị A vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh N. Anh N không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của chị A. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị A và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh N là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung:

Chị Lê Tú Anh khai, quá trình chung sống, chị A và anh N có 01 con chung Nguyễn Hoàng Nhân N, sinh ngày: 28/11/2022, hiện anh N đang nuôi dưỡng. Ly

hôn chị A đồng ý để anh Nh được tiếp tục nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Tài sản chung, nợ chung:

Chị Lê Tú A khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 04 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Tú A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lê Tú A.
2. Chị Lê Tú A được ly hôn với anh Nguyễn Thành N.
3. Về con chung: Ghi nhận chị Lê Tú A đồng ý để anh Nguyễn Thành N được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Nhân N, sinh ngày: 28/11/2022.

Trong thời gian con chung của chị A và anh N chưa thành niên (Chưa đủ 18 tuổi), chị A có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Anh N có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Tú A khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Lê Tú A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001874 ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, chị A đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã T, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Số 68, ngày 21/11/2022);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương